

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ YUE LIN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ YUE LIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YUE LIN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110687794

**3. Ngày thành lập:** 16/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12A/BT 13 Khu Đô Thị Phú Lương, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983090843

Fax:

Email: shiangling09@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                       | 4610                                                         |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế                                                                                                      | 4649                                                         |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                    | 4659                                                         |
| 4.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ; Đào tạo kỹ năng ( Không gồm dạy về tôn giáo, hoạt động của các trường của các tổ chức Đảng , đoàn thể tôn giáo)                                                         | 8559(Chính)                                                  |
| 5.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                      | 8560                                                         |
| 6.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa                                                                                                                                                                                | 8620                                                         |
| 7.  | Hoạt động y tế dự phòng<br>Chi tiết : phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng                                                                                                                                                                 | 8691                                                         |
| 8.  | Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                  | 8692                                                         |
| 9.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm                                                                                                                                         | 2023                                                         |
| 10. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                                        | 2100                                                         |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Logistics; Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển                                                                                                                             | 5229                                                         |
| 12. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                  | 7810                                                         |
| 13. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                                   | 7830                                                         |
| 14. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                          | 7990                                                         |
| 15. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                      | 4772                                                         |
| 16. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 800.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN<br>QUANG MINH | Thôn Nhân Phú,<br>Xã Mỹ Thuận,<br>Huyện Mỹ Lộc,<br>Tỉnh Nam Định,<br>Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 40.000        | 400.000.000              | 5,000        | 0360870086<br>71                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 40.000        | 400.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THỊ<br>HƯƠNG  | Thôn Cầu Nhân,<br>Xã Mỹ Thuận,<br>Huyện Mỹ Lộc,<br>Tỉnh Nam Định,<br>Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 720.000       | 7.200.000.000            | 90,000       | 0361890205<br>48                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 720.000       | 7.200.000.000            | 90,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                   |                           |        |             |       |              |
|---|---------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 3 | ĐỒNG THỊ THOM | Thôn Cầu Nhân, Xã Mỹ Thuận, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 40.000 | 400.000.000 | 5,000 | 036191014625 |
|   |               |                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |               |                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |               |                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |               |                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |               |                                                                   | Tổng số                   | 40.000 | 400.000.000 | 5,000 |              |
|   |               |                                                                   |                           |        |             |       |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: TRẦN THI HƯƠNG

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 07/01/1989

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036189020548

Ngày cấp: 23/08/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tư Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Cầu Nhân, Xã Mỹ Thuận, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Cầu Nhân, Xã Mỹ Thuận, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội